

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CẢNG CAM RANH
DN:
OID.0.9.2342.19200300,100.1.1=M
ST:4200272350, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH,
S=Khánh Hòa, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.03 10:26:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)
Ông Lưu Văn Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Việt	Trưởng Ban (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên

Trưởng Phòng Tài chính kế toán

Bà Hồ Nguyễn Tú Anh	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán (Bổ nhiệm từ 18/04/2025) Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Phụ trách kế toán (đến 17/04/2025)
---------------------	--

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thắng

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 108/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Trần Xuân Thường

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 5801-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.072.018.718	50.645.911.762
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.159.444.911	34.003.114.204
Tiền	111		26.159.444.911	11.003.114.204
Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	23.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.000.000.000	1.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.294.265.913	13.124.798.373
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.370.277.988	11.674.489.541
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.797.820.000	1.837.955.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.551.007.241	868.112.960
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.424.839.316)	(1.255.759.128)
Hàng tồn kho	140	V.7	1.428.817.395	1.507.976.918
Hàng tồn kho	141		1.428.817.395	1.507.976.918
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.189.490.499	510.022.267
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	766.906.668	447.022.889
Thuế GTGT được khấu trừ	152		258.551.318	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.164.032.513	62.999.378
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267.188.244.029	264.084.729.617
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	100.000.000	100.000.000
Tài sản cố định	220		249.037.881.693	259.122.294.183
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	248.575.963.462	258.493.099.215
- Nguyên giá	222		580.940.131.736	569.015.248.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(332.364.168.274)	(310.522.149.044)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	461.918.231	629.194.968
- Nguyên giá	228		955.375.660	955.375.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(493.457.429)	(326.180.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.879.808.180	2.237.787.979
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	11.879.808.180	2.237.787.979
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.170.000.000	1.170.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.170.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.000.554.156	1.454.647.455
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5.000.554.156	1.453.963.091
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	684.364
TỔNG TÀI SẢN	270		353.260.262.747	314.730.641.379

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		60.718.644.078	34.223.966.082
Nợ ngắn hạn	310		54.971.644.078	25.494.766.082
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.034.664.048	6.546.957.857
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	322.958.735	92.100.010
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.374.758.711	1.880.994.124
Phải trả người lao động	314		27.723.046.425	7.389.859.600
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	310.431.401	145.688.225
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.362.200.000	3.787.200.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.596.890.293	3.189.587.914
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	1.620.000.000	1.620.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		626.694.465	842.378.352
Nợ dài hạn	330		5.747.000.000	8.729.200.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	-	1.362.200.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	5.747.000.000	7.367.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		292.541.618.669	280.506.675.297
Vốn chủ sở hữu	410	V.19	292.541.618.669	280.506.675.297
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		275.419.340	275.419.340
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.520.231.962	14.520.231.962
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.739.633.193	16.755.014.992
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		378.705.802	400.443.752
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		28.360.927.391	16.354.571.240
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.470.164.174	4.419.839.003
TỔNG NGUỒN VỐN	440		353.260.262.747	314.730.641.379

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng Phòng
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	258.568.304.190	177.533.442.935
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		258.568.304.190	177.533.442.935
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	178.557.334.051	128.646.455.671
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.010.970.139	48.886.987.264
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.581.838.542	1.193.087.581
Chi phí tài chính	22	VI.4	648.320.532	778.333.322
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		648.320.532	778.333.322
Chi phí bán hàng	25	VI.5	280.928.648	391.735.317
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	41.514.775.986	28.085.443.690
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.148.783.515	20.824.562.516
Thu nhập khác	31	VI.8	38.253.243	462.444.445
Chi phí khác	32	VI.9	3.796.826.117	59.454.245
Lợi nhuận khác	40		(3.758.572.874)	402.990.200
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.390.210.641	21.227.552.716
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.549.019.896	4.443.385.474
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		684.364	342.183
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.840.506.381	16.783.825.059
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		28.360.927.391	16.354.571.240
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	62		479.578.990	429.253.819
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.160	499
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.160	499

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng Phòng
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	36.390.210.641	21.227.552.716
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư	02	22.012.717.794	22.210.677.597
Các khoản dự phòng	03	169.080.188	134.850.895
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(2.528.953.857)	(1.637.532.026)
Chi phí lãi vay	06	648.320.532	778.333.322
Các điều chỉnh khác	07	-	3.421.826
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.691.375.298	42.717.304.330
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(6.706.478.757)	6.516.107.475
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	79.159.523	(779.555.829)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.043.428.742	327.429.417
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(3.866.474.844)	(1.068.696.358)
Tiền lãi vay đã trả	14	(648.320.532)	(778.333.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.099.586.755)	(4.272.223.934)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	109.560.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.560.977.396)	(209.928.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63.041.685.279	42.452.103.681
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.732.825.505)	(12.371.975.579)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	444.444.445
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(2.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.500.000.000	3.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.537.300.433	1.170.675.255
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.695.525.072)	(10.256.855.879)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.569.829.500)	(11.378.314.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.189.829.500)	(12.998.314.187)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	29.156.330.707	19.196.933.615
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.003.114.204	14.806.180.589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	63.159.444.911	34.003.114.204

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng Phòng
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28/01/2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.018.170.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 245.018.170.000 đồng; tương đương 24.501.817 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 195 người (tại ngày 31/12/2024 là 192 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng biển.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

- Tên: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh.
- Địa chỉ: 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa.
- Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải.
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200), và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53), sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Công ty tuân thủ Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 202), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200 và Thông tư số 53, Thông tư số 202, các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (tiếp)

Báo cáo tài chính của Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của Công ty con.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

7. Hàng tồn kho (tiếp)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải	02 - 09
- Thiết bị văn phòng	02 - 06

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03-Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ tối đa 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (Tiếp)

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

13. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm tài chính, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

15. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số cổ phiếu đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

18. Ghi nhận doanh thu (tiếp)

Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa:

Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa được ghi nhận khi đáp ứng đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế Giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế Thu nhập hiện hành

Thuế Thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế Thu nhập hoãn lại

Thuế Thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

22. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác cảng biển chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	310.725.163	531.335.200
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.848.719.748	10.471.779.004
- Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	63.159.444.911	34.003.114.204

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,1%/năm

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	1.170.000.000	-	(*)	1.170.000.000	-	(*)
Cộng	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin về Công ty đầu tư tại ngày 31/12/2025:

Tên Công ty đầu tư	Nơi thành lập hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
- Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	70 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	6,50%	6,50%

Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2025 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan	413.978.553	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics	413.978.553	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên khác	14.956.299.435	(1.424.839.316)	11.674.489.541	(1.255.759.128)
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO	4.461.847.698	-	1.775.883.694	-
- Công ty TNHH Đá Hòa An 1	2.092.605.795	-	3.394.802.527	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Nhật Châu	983.180.557	-	170.278.382	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Sang	567.833.569	-	343.612.894	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	(563.600.626)	563.600.626	(563.600.626)
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát	490.320.000	-	407.171.808	-
- Các đối tượng khác	5.796.911.190	(861.238.690)	5.019.139.610	(692.158.502)
Cộng	15.370.277.988	(1.424.839.316)	11.674.489.541	(1.255.759.128)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng	-	-	1.778.535.000	-
- Công ty TNHH Quyết Thắng	510.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Công Nghệ INTECOM	246.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH SX TM cơ khí Nguyễn Minh	224.400.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cân điện tử Công nghệ	203.100.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	614.320.000	-	59.420.000	-
Cộng	1.797.820.000	-	1.837.955.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Tạm ứng	61.640.000	-	75.000.000	-
- Phân chia chi phí Cầu Gottwald	739.538.812	-	223.308.490	-
- Bảo hiểm thất nghiệp phải trả cho người lao động	-	-	102.261.230	-
- Lãi dự thu	200.378.083	-	33.061.645	-
- Phải thu khác	534.450.346	-	419.481.595	-
Cộng	1.551.007.241	-	868.112.960	-

b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-	100.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Nợ xấu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa	Trên 3 năm	347.656.124	-	Trên 3 năm	347.656.124	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	Trên 3 năm	563.600.626	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	563.600.626	169.080.188
- Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Mới	Trên 3 năm	113.319.150	-	Trên 3 năm	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	-	Trên 3 năm	99.453.843	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	300.809.573	-	Trên 3 năm	300.809.573	-
Cộng		1.424.839.316	-		1.424.839.316	169.080.188

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	95.854.229	-	163.043.689	-
- Công cụ, dụng cụ	123.417.297	-	52.638.633	-
- Hàng hóa	1.209.545.869	-	1.292.294.596	-
Cộng	1.428.817.395	-	1.507.976.918	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	471.217.318	140.394.400
- Các khoản khác	295.689.350	306.628.489
Cộng	766.906.668	447.022.889

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	-	5.017.636
- Chi phí sửa chữa lớn	4.474.644.336	766.969.096
- Phí kiểm định Bến đỗ 1 và 2	362.213.945	551.195.945
- Các khoản khác	163.695.875	130.780.414
Cộng	5.000.554.156	1.453.963.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị (*) VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	484.399.802.866	57.086.297.576	24.998.564.399	2.530.583.418	569.015.248.259
- Mua trong năm	-	1.411.435.185	535.087.111	-	1.946.522.296
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	8.525.683.503	729.797.980	219.099.698	503.780.000	9.978.361.181
31/12/2025	492.925.486.369	59.227.530.741	25.752.751.208	3.034.363.418	580.940.131.736
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(258.391.291.639)	(32.337.668.714)	(18.031.561.238)	(1.761.627.453)	(310.522.149.044)
- Khấu hao trong năm	(15.670.572.390)	(4.489.477.709)	(1.469.252.527)	(216.138.431)	(21.845.441.057)
- Tặng khác	-	-	3.421.827	-	3.421.827
31/12/2025	(274.061.864.029)	(36.827.146.423)	(19.497.391.938)	(1.977.765.884)	(332.364.168.274)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	226.008.511.227	24.748.628.862	6.967.003.161	768.955.965	258.493.099.215
31/12/2025	218.863.622.340	22.400.384.318	6.255.359.270	1.056.597.534	248.575.963.462

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 42.841.225.131 đồng (Tại 31/12/2024 là: 26.686.612.576 đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2025: 12.317.940.525 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 14.056.943.889 đồng).

(*) Bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, trong năm 2022 sửa chữa lớn nguyên giá tăng lên là: 8.666.652.766 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2025 là: 6.159.314.791 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	955.375.660	955.375.660
31/12/2025	955.375.660	955.375.660
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(326.180.692)	(326.180.692)
- Khấu hao trong năm	(167.276.737)	(167.276.737)
31/12/2025	(493.457.429)	(493.457.429)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	629.194.968	629.194.968
31/12/2025	461.918.231	461.918.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2025	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (1)	1.795.734.107	-	-	-	1.795.734.107
Dự án Cầu di động - Sức nâng 200-250 tấn (2)	-	9.228.222.222	-	-	9.228.222.222
Dự án khác	442.053.872	7.332.300.073	6.407.390.983	511.111.111	855.851.851
Cộng	2.237.787.979	16.560.522.295	6.407.390.983	511.111.111	11.879.808.180

(1) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 28.049.378.000 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa (nay là Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa);
- Mục tiêu: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn: 70% vốn chủ sở hữu, 30% vốn vay;
- Tại thời điểm 31/12/2025, dự án đã thực hiện xong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

(2) Dự án “Cầu di động – Sức nâng 200-250 tấn” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 9.998.679.608 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Tại khu vực hiện trường sản xuất Cảng Cam Ranh;
- Mục tiêu: Chủ động xử lý bốc xếp hàng hóa, giảm phụ thuộc thuê ngoài; rút ngắn thời gian xếp dỡ, giải phóng tàu nhanh; nâng cao năng lực cạnh tranh và dịch vụ hậu cần cảng biển; phù hợp quy hoạch, chiến lược, tầm nhìn phát triển của Cảng trong tương lai, định hướng phát triển logistics;
- Cơ cấu nguồn vốn: 100% vốn tự có của Chủ đầu tư;
- Tại thời điểm 31/12/2025, dự án đang trong giai đoạn đầu tư hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	258.300.000	258.300.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	-	-	258.300.000	258.300.000
Phải trả người bán là các bên khác	16.034.664.048	16.034.664.048	6.288.657.857	6.288.657.857
- Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ TCE	6.685.000.000	6.685.000.000	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Minh Khôi	2.345.000.000	2.345.000.000	-	-
- Công ty TNHH Đông Đô	1.827.965.000	1.827.965.000	2.990.465.000	2.990.465.000
- Công ty TNHH Thịnh An Khang NT	1.631.225.952	1.631.225.952	474.393.888	474.393.888
- Các đối tượng khác	3.545.473.096	3.545.473.096	2.823.798.969	2.823.798.969
Cộng	16.034.664.048	16.034.664.048	6.546.957.857	6.546.957.857

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH VTH Việt Á	196.487.983	196.487.983	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Sông biển Chúc An	52.639.200	52.639.200	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Tổng hợp Bình An Phát	28.450.343	28.450.343	25.000.000	25.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư XD-TV Thiết kế 6879	24.034.792	24.034.792	-	-
- Các đối tượng khác	21.346.417	21.346.417	67.100.010	67.100.010
Cộng	322.958.735	322.958.735	92.100.010	92.100.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Thuế và các khoản phải nộp/Phải thu nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	259.217.452	9.419.536.180	9.671.864.744	6.888.888
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.388.526.817	7.549.019.896	6.099.586.755	2.837.959.958
- Thuế thu nhập cá nhân	233.249.855	1.151.308.834	854.648.824	529.909.865
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.322.691	2.322.691	-
Cộng	1.880.994.124	18.122.187.601	16.628.423.014	3.374.758.711

b. Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	62.999.378	9.484.230.876	11.585.264.011	2.164.032.513
Cộng	62.999.378	9.484.230.876	11.585.264.011	2.164.032.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền điện	181.527.291	145.688.225
- Trích chi phí sửa chữa cầu Gottwald	128.904.110	-
Cộng	310.431.401	145.688.225

16. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	1.362.200.000	3.787.200.000
Cộng	1.362.200.000	3.787.200.000

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	-	1.362.200.000
Cộng	-	1.362.200.000

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	203.782.680	173.590.440
- Nhận ký quỹ ký cược	124.000.000	24.000.000
- Phải trả khác	3.269.107.613	2.991.997.474
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	3.069.107.613	1.311.244.474
+ Các đối tượng khác	200.000.000	1.680.753.000
Cộng	3.596.890.293	3.189.587.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
b) Vay dài hạn	5.747.000.000	5.747.000.000	-	1.620.000.000	7.367.000.000	7.367.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	5.747.000.000	5.747.000.000	-	1.620.000.000	7.367.000.000	7.367.000.000
Cộng	7.367.000.000	7.367.000.000	1.620.000.000	3.240.000.000	8.987.000.000	8.987.000.000

(*) Khoản vay của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 09/08/2022 với hạn mức tín dụng là 12.960.000.000 đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2025 là 8.177.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua sắm Cầu di động – sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh. Tài sản thế chấp là tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.056.165	14.128.092.360	4.422.614.409	277.873.352.274
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	16.354.571.240	429.253.819	16.783.825.059
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.035.290.659)	(343.021.000)	(11.378.311.659)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(2.529.233.299)	(70.531.463)	(2.599.764.762)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(155.662.779)	(18.473.749)	(174.136.528)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.176.287	(9.176.287)	-	-
- Tăng/giảm khác	-	-	-	(490)	1.714.416	(3.013)	1.710.913
31/12/2024	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.520.231.962	16.755.014.992	4.419.839.003	280.506.675.297
01/01/2025	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.520.231.962	16.755.014.992	4.419.839.003	280.506.675.297
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	28.360.927.391	479.578.990	28.840.506.381
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(12.226.808.500)	(343.021.000)	(12.569.829.500)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(4.149.500.690)	(86.232.819)	(4.235.733.509)
31/12/2025	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.520.231.962	28.739.633.193	4.470.164.174	292.541.618.669

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ
	VND	vốn góp %	VND	vốn góp %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,27%	34.971.020.000	14,27%
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
Cộng	245.018.170.000	100%	245.018.170.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp cuối năm	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.569.829.500	11.378.311.659

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.200	48.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.200	48.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.453.617	24.453.617
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.520.231.962	14.520.231.962
Cộng	14.520.231.962	14.520.231.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Cam Ranh (nay là Phường Cam Linh), Tỉnh Khánh Hòa với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 252.364 m², thời hạn thuê đất từ 16 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa (nay là Phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa), có diện tích 797,5 m² với mục đích xây dựng Trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND Tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND Tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán hàng	41.985.951.913	38.075.777.095
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	216.582.352.277	139.457.665.840
Cộng	258.568.304.190	177.533.442.935

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	38.628.273.255	35.147.533.188
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	139.929.060.796	93.498.922.483
Cộng	178.557.334.051	128.646.455.671

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.500.747.400	490.783.079
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.028.206.457	655.322.314
- Chiết khấu bán hàng	52.884.685	46.982.188
Cộng	2.581.838.542	1.193.087.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	648.320.532	778.333.322
Cộng	648.320.532	778.333.322

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	49.537.644	49.537.644
- Chi phí nhân công	220.600.000	220.800.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.791.004	68.784.856
- Chi phí bằng tiền khác	-	52.612.817
Cộng	280.928.648	391.735.317

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	403.050.161	408.741.182
- Chi phí nhân công	26.758.044.833	15.741.783.303
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	199.222.348	120.658.996
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.037.011.050	1.085.443.408
- Thuế, phí, lệ phí	216.018.058	703.413.204
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	169.080.188	134.850.895
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.721.095.811	5.949.166.323
- Chi phí bằng tiền khác	6.011.253.537	3.941.386.379
Cộng	41.514.775.986	28.085.443.690

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	6.726.775.306	5.819.300.493
- Chi phí nhân công	78.408.914.486	45.229.122.087
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.542.313.048	762.136.559
- Khấu hao tài sản cố định	22.012.717.794	2.221.499.423
- Thuế, phí và lệ phí	9.345.792.139	4.640.395.399
- Chi phí dự phòng	169.080.188	112.720.125
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.372.244.988	38.242.134.819
- Chi phí bằng tiền khác	10.935.261.311	5.064.803.270
Cộng	183.513.099.260	102.092.112.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Tiền thù lao HĐQT, BKS	18.000.000	18.000.000
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	-	444.444.445
- Khác	20.253.243	-
Cộng	38.253.243	462.444.445

(*) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý.

9. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí thuê đất, thuê đất	3.359.985.440	-
- Các khoản tiền phạt thuế	85.049.993	28.525.613
- Các khoản chi phí khác	351.790.684	30.928.632
Cộng	3.796.826.117	59.454.245

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh - Công ty mẹ	7.290.613.503	4.210.890.597
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh - Công ty con	258.406.393	232.494.877
Cộng	7.549.019.896	4.443.385.474

11. Lãi trên cổ phiếu

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.360.927.391	16.354.571.240
- Trừ: Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	-	(4.149.500.690)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.360.927.391	12.205.070.550
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	24.453.617	24.453.617
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.160	499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Lãi trên cổ phiếu (tiếp)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-CCR.ĐHDCĐ ngày 24/04/2025. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 499 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 669 đồng/cổ phiếu).

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các Bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Nha Trang	Chi nhánh của Công ty có cùng Công ty mẹ

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc		1.245.818.000	1.099.456.000
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	737.081.000	596.504.000
Ông Trịnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 21/02/2024)	508.737.000	483.757.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/02/2024)	-	19.195.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập và thù lao của của thành viên khác trong Ban		662.856.000	863.888.000
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)	357.816.000	683.888.000
Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)	55.440.000	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	62.400.000	-
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	62.400.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	62.400.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)	28.080.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)	34.320.000	-
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		135.120.000	156.000.000
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)	-	60.000.000
Ông Hoàng Việt	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)	34.320.000	-
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 15/04/2024)	50.400.000	32.000.000
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	16.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	50.400.000	48.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (Tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu từ các bên liên quan	4.326.601.229	5.303.572.916
- Công ty TNHH MTV Logistics Cảng Quy Nhơn	3.639.384.376	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	687.216.853	5.303.572.916
Mua hàng từ các bên liên quan	35.000.000	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	35.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận nhận về	506.493.000	653.722.328
- Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	506.493.000	653.722.328
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	9.911.507.500	8.920.356.750
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	9.911.507.500	8.920.356.750

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số V.3 và V.12.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng Phòng
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng